

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN**BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2006/TT-BVHTT

*Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2006***THÔNG TƯ****Hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định 12/2006/NĐ-CP****ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành****Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế****và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công****và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.**

Căn cứ Nghị định 63/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành Văn hóa - Thông tin được quy định tại Phụ lục số 01 (khoản 2, khoản 3 - mục I và khoản 4 - mục II) và Phụ lục số 03 (mục V) ban hành kèm theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP, như sau:

A- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

1. Hàng hóa, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu trong danh mục quản lý chuyên ngành văn hóa - thông tin thuộc lĩnh vực kinh doanh đặc thù được điều chỉnh thông qua các Luật như: Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản Văn hóa, các văn bản quy phạm pháp luật khác về văn hóa - thông tin.

2. Đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành văn hóa - thông tin không nhằm mục đích kinh doanh (phi mậu dịch) thực hiện theo Nghị định số 88/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

3. Việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05/12/2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.

4. Việc ghi và sử dụng mã số HS:

4.1. Mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 82/2003/QĐ-BTC ngày 13/6/2003 của Bộ Tài chính và trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003 của Bộ Tài chính nhằm xác định tên gọi, mô tả chủng loại và phân loại mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi không quy định về nội dung hay quyền sở hữu đối với hàng hóa.

Do vậy, việc xác định hàng hóa chuyên ngành văn hóa - thông tin có cùng mã số HS (như sách, báo, phim, băng, đĩa, tác phẩm mỹ thuật, di vật, cổ vật...) thuộc diện được xuất khẩu, nhập khẩu hay thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu phải căn cứ trên cơ sở thẩm định nội dung hoặc quyền sở hữu đối với hàng hóa.

4.2. Trường hợp sau khi đã thực hiện việc xác định mã số HS của hàng hóa mà vẫn chưa xác định được hàng hóa đó thuộc mã số HS nào trong Biểu thuế xuất nhập khẩu (hoặc hàng hóa đó chưa có mã số HS) thì khi làm thủ tục xuất nhập khẩu phải lấy mẫu hàng hóa đó để tiến hành trưng cầu giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành phục vụ cho việc phân loại theo mã HS.

4.3. Về nguyên tắc áp mã số HS:

+ Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa - thông tin được ghi theo đúng mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (nếu hàng hóa đó có mã số HS).

+ Việc áp mã số HS để xác định hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hay được phép xuất khẩu, nhập khẩu cần phải căn cứ theo các quy định cụ thể tại Thông tư này.

B- HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

I. HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU

1. Danh mục:

TT	Mô tả hàng hóa	Mã số HS
a)	- Di vật, cổ vật thuộc: Sở hữu toàn dân, sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. - Bảo vật quốc gia thuộc tất cả các hình thức sở hữu	9705; 9706
b)	Các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam bao gồm: - Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...)	4901; 4902; 4903 4904; 4905; 4906 4909; 4910; 4911
	- Các loại băng, đĩa ghi âm, băng đĩa ghi hình, các loại phim, các loại băng từ, đĩa mềm, đĩa quang đã ghi nội dung, các sản phẩm công nghệ khác đã ghi thông tin ở dạng chữ viết, âm thanh, hoặc hình ảnh.	3706; 8524
	- Tác phẩm mỹ thuật.	9701; 9702; 9703

(Mô tả chi tiết mã HS theo phân nhóm 6 và 8 số tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguyên tắc quản lý:

2.1. Cấm xuất khẩu: di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; bảo vật quốc gia thuộc tất cả các hình thức sở hữu:

- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải được quản lý trong các bảo tàng và không được mua bán, trao đổi, tặng cho (theo quy định tại Điều 43 Luật Di sản văn hóa năm 2001).

- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 42 Luật Di sản Văn hóa và Điều 23 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ.

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để xác định chủ sở hữu thuộc đối tượng sở hữu nào.

2.2. Cấm xuất khẩu: các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam:

Văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam là văn hóa phẩm:

- Có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Có nội dung tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động bạo lực, truyền bá tư tưởng phản động, kích động lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

- Có nội dung thuộc về bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và các bí mật khác do pháp luật quy định.

- Có nội dung thông tin sai sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống nhằm xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

- Văn hóa phẩm vi phạm các quy định về cấm lưu hành, phổ biến tại Việt Nam theo quy định tại Luật Xuất bản, Luật Báo chí, Luật Di sản văn hóa, Pháp lệnh Quảng cáo, các quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác của Nhà nước Việt Nam.

II- HÀNG HÓA CẤM NHẬP KHẨU

1. Danh mục:

Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu và mã HS quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B (các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam).

2. Nguyên tắc quản lý:

Các loại văn hóa phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam là văn hóa phẩm được quy định tại điểm 2.2 khoản 2 mục I phần B.

C- HÀNG HÓA ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

I. HÀNG HÓA ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU

1. Danh mục:

TT	Mô tả hàng hóa	Mã số HS
a)	Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...) không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B	4901; 4902; 4903 4904; 4905; 4906 4909; 4910; 4911
b)	Tác phẩm điện ảnh và sản phẩm nghe nhìn khác được sản xuất trên mọi chất liệu không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B	3706; 8524
c)	Các tác phẩm mỹ thuật thuộc các thể loại được sản xuất trên mọi chất liệu không quy định tại điểm b khoản 1 mục I phần B (Các tác phẩm mỹ thuật là những sản phẩm sáng tạo mỹ thuật, không sản xuất hàng loạt mà chỉ được làm từng sản phẩm một, mỗi tác phẩm có giá trị riêng biệt như: bức tranh, pho tượng, bức phù điêu...) (Hàng thủ công mỹ nghệ không thuộc loại tác phẩm mỹ thuật)	9701; 9702; 9703
d)	Di vật, cổ vật không thuộc: Sở hữu toàn dân, sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.	9705; 9706

(Mô tả chi tiết mã HS theo phân nhóm 6 và 8 số tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguyên tắc quản lý:

2.1. Đối với các loại hàng hóa nêu tại điểm a, b, c khoản 1 mục I phần C: được phép xuất khẩu theo nhu cầu, Bộ Văn hóa - Thông tin không cấp giấy phép, không phê duyệt nội dung, số lượng, trị giá sản phẩm xuất khẩu. Thủ tục xuất khẩu giải quyết tại Hải quan.

- Hàng hóa thuộc điểm a, b khoản 1 mục I phần C được xuất khẩu với điều kiện đã được phép sản xuất, phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.

- Hàng hóa thuộc điểm c khoản 1 mục I phần C khi xuất khẩu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc rõ ràng, về chủ sở hữu của tác phẩm theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với các loại hàng hóa nêu tại điểm d khoản 1 mục I phần C: khi xuất khẩu phải có giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Văn hóa -

Thông tin cấp theo các điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ.

- Hồ sơ xin cấp giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài, gồm:
 - + Đơn xin phép gửi Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
 - + Giấy chứng nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ
 - + Hồ sơ đăng ký di vật, cổ vật (giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật)
- Cơ quan giải quyết thủ tục cấp phép: Cục Di sản Văn hóa thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin cấp là căn cứ để doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu tại hải quan.

II. HÀNG HÓA ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU

1. Danh mục:

TT	Mô tả hàng hóa	Mã số HS
a)	Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...) không thuộc diện điều chỉnh của mục II phần B	4901; 4902; 4903 4904; 4905; 4906 4909; 4910; 4911
b)	Tác phẩm điện ảnh và sản phẩm nghe nhìn khác ghi trên mọi chất liệu và không thuộc diện điều chỉnh của mục II phần B	3706; 8524
c)	Hệ thống chế bản và sắp chữ chuyên dùng ngành in.	8442
d)	Máy in các loại (máy in offset, máy in Flexo, Máy in ống đồng)	8440; 8443
đ)	Máy photocopy màu	9009
e)	Thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO)	8528; 8529; 8543
g)	Máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc	9504
h)	Đồ chơi trẻ em	9501; 9502; 9503

(Mô tả chi tiết mã HS theo phân nhóm 6 và 8 số tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguyên tắc quản lý:

2.1. Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch...):

a) Đối với các loại ấn phẩm là báo, tạp chí nước ngoài: phải được Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt danh mục báo chí, tạp chí trước khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhập khẩu báo, tạp chí.

- Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt danh mục các đầu báo, tạp chí nước ngoài xin nhập khẩu trong năm theo đề nghị của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhập khẩu báo, tạp chí. Doanh nghiệp nhập khẩu phải tổ chức kiểm tra nội dung các ấn phẩm báo, tạp chí nước ngoài trước khi cho phát hành ra thị trường Việt Nam, đảm bảo không vi phạm các điều cấm quy định tại Điều 10 của Luật Báo chí và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo, tạp chí mà mình nhập khẩu.

- Cơ quan giải quyết thủ tục phê duyệt danh mục báo, tạp chí nước ngoài nhập khẩu: Cục Báo chí thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh mục báo, tạp chí xin nhập khẩu, Cục Báo chí ra văn bản phê duyệt danh mục.

Danh mục báo, tạp chí do Cục Báo chí phê duyệt sẽ là căn cứ để doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

b) Đối với các loại ấn phẩm khác (ngoài báo và tạp chí): phải được Bộ Văn hóa - Thông tin xác nhận danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

- Đối tượng được phép nhập khẩu xuất bản phẩm: Doanh nghiệp có giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm do Bộ Văn hóa - Thông tin (Cục Xuất bản) cấp.

- Hàng năm, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải gửi đăng ký danh mục xuất bản phẩm cho Bộ Văn hóa - Thông tin trước khi nhập khẩu. Bản đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở thực hiện theo mẫu số 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

Giám đốc cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải tổ chức kiểm tra nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành ra thị trường Việt Nam, đảm bảo không vi phạm các điều cấm quy định tại Điều 10 của Luật Xuất bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm mà mình nhập khẩu.

- Cơ quan giải quyết thủ tục xác nhận danh mục nhập khẩu xuất bản phẩm: Cục Xuất bản thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu hợp lệ, Cục Xuất bản xác nhận việc đăng ký bằng văn bản.

Danh mục đã đăng ký có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch.

Danh mục nhập khẩu xuất bản phẩm do Cục Xuất bản xác nhận sẽ là căn cứ để doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

2.2. Tác phẩm điện ảnh và sản phẩm nghe nhìn khác ghi trên mọi chất liệu:

a) Đối với tác phẩm điện ảnh (ghi trên mọi chất liệu): phải được Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt nội dung và kế hoạch nhập khẩu trước khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhập khẩu phim, chiếu phim.

- Hồ sơ đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm, gồm:

+ Đơn đăng ký xét duyệt nội dung tác phẩm.

+ Văn bản chứng nhận bản quyền tác giả, nguồn gốc hợp pháp của tác phẩm (nếu văn bản ghi bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

+ Mẫu tác phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu (nếu tác phẩm chứa đựng nội dung bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Cơ quan giải quyết thủ tục phê duyệt nội dung: Cục Điện ảnh thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Điện ảnh sẽ có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm.

Văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm của Cục Điện ảnh sẽ là căn cứ để doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

b) Đối với các loại sản phẩm nghe nhìn (ghi trên mọi chất liệu) không phải là tác phẩm điện ảnh: phải được Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt nội dung trước khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu.

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhập khẩu băng, đĩa ca nhạc, sân khấu hoặc sản phẩm nghe nhìn thuộc các thể loại khác (ghi trên mọi chất liệu) không phải là tác phẩm điện ảnh.

- Hồ sơ đề nghị phê duyệt nội dung sản phẩm, gồm:

+ Đơn đề nghị xét duyệt nội dung sản phẩm.

+ Văn bản chứng nhận bản quyền tác giả, nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm (kèm theo văn bản dịch ra tiếng Việt).

+ Mẫu sản phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu (nếu sản phẩm chứa đựng nội dung bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Cơ quan giải quyết thủ tục phê duyệt nội dung: Bộ Văn hóa - Thông tin ủy quyền cho các Sở Văn hóa - Thông tin phê duyệt.

Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa - Thông tin sẽ có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung sản phẩm.

Văn bản phê duyệt nội dung sản phẩm của Sở Văn hóa - Thông tin sẽ là căn cứ để doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

- Riêng đối với sản phẩm nhập khẩu là băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình và các sản phẩm ghi trên vật liệu, phương tiện kỹ thuật khác có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách sẽ do Cục Xuất bản phê duyệt danh mục sản phẩm xin nhập khẩu.

2.3. Hệ thống chế bản và sắp chữ chuyên dùng ngành in:

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng hoạt động ngành in hoặc kinh doanh thiết bị ngành in.

- Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình nhập khẩu, về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

2.4. Máy in các loại (máy in offset, máy in Flexo, máy in ống đồng):

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng hoạt động ngành in hoặc kinh doanh thiết bị ngành in.

- Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình nhập khẩu, về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

2.5. Máy Photocopy mẫu:

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh máy photocopy mẫu.

- Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình nhập khẩu, về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

Riêng đối với loại máy photocopy mẫu có mã HS 9009.11.10 và 9009.11.90, việc nhập khẩu đối với 02 mã số hàng hóa này sẽ thực hiện theo hướng dẫn của liên ngành Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.6. Thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO):

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực truyền hình đã được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp đăng ký: nhập khẩu, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị TVRO hoặc làm đại diện phân phối tại Việt Nam các Bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài.

- Thiết bị thu tín hiệu nhập khẩu phải là thiết bị mới 100%, bộ giải mã có xuất xứ rõ ràng và chương trình phải hợp pháp về bản quyền.

- Thủ tục cấp đăng ký: Thực hiện theo Quyết định 79/2002/QĐ-TTg ngày 18/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài; Quyết định 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài; Quyết định 49/2003/

QĐ-BVHTT ngày 22/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin sửa đổi, bổ sung Quyết định 18/2002/QĐ-BVHTT ngày 29/7/2002;

- Cơ quan cấp đăng ký: Cục Báo chí thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

2.7. Máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc:

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

- Máy - thiết bị nhập khẩu phải đảm bảo:

+ Là máy - thiết bị mới 100%, bảo đảm chất lượng về âm thanh, hình ảnh, hình thức phù hợp với thẩm mỹ của người Việt Nam.

+ Có đủ hồ sơ (catalogue) ghi rõ các tính năng, kiểu dáng, nội dung và chương trình cài đặt của máy, thiết bị xin nhập khẩu.

+ Chương trình được cài đặt phải có nội dung vui chơi giải trí lành mạnh và không vi phạm các quy định về cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.

+ Nội dung chương trình trò chơi điện tử do Sở Văn hóa - Thông tin Sở tại thẩm định và phê duyệt theo mục III Thông tư số 08/2000/TT-BVHTT ngày 28/4/2000 của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

2.8. Đồ chơi trẻ em:

- Đối tượng được phép nhập khẩu: Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh phù hợp.

- Hàng hóa nhập khẩu phải đảm bảo mới 100%.

- Có nội dung, hình thức, kiểu dáng, tính năng sử dụng không có hại đến giáo dục nhân cách, không gây nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, không vi phạm các quy định về cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện nêu trên trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan.

D- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thực hiện sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 29/2001/TT-BVHTT ngày 05/06/2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các đối tượng thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa chuyên ngành Văn hóa - Thông tin phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa - Thông tin (Vụ Kế hoạch - Tài chính) xem xét giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Quang Nghị

Phụ lục

**DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN LOẠI THEO
MÃ HS THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH
CỦA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN**

*(Kèm theo Thông tư số 48/2006/TT-BVHTT ngày 05 tháng 5 năm 2006
của Bộ Văn hóa - Thông tin)*

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
<u>Chương 37</u>	3706			Phim điện ảnh đã phơi sáng và đã tráng, đã hoặc chưa có rãnh tiếng hoặc chỉ có duy nhất rãnh tiếng
	3706	10		- Loại chiều rộng từ 35 mm trở lên:
	3706	10	10	-- Phim thời sự, phim du lịch, phim kỹ thuật và phim khoa học
	3706	10	20	-- Loại chỉ có duy nhất rãnh tiếng -- Loại khác
	3706	10	91	--- Có ảnh được chụp ở nước ngoài
	3706	10	99	--- Loại khác
	3706	90		- Loại khác
	3706	90	10	-- Phim thời sự, phim du lịch, phim kỹ thuật và phim khoa học
	3706	90	20	-- Loại chỉ có duy nhất rãnh tiếng
	3706	90	90	-- Loại khác
<u>Chương 49</u>	4901			Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn
	4901	10		- Dạng tờ đơn, có hoặc không gấp: -- Dùng cho giáo dục
	4901	10	11	--- Toàn bộ hoặc chủ yếu được in bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu
	4901	10	19	--- Loại khác -- Loại khác
	4901	10	21	--- Toàn bộ hoặc chủ yếu được in bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu
	4901	10	29	-- Loại khác - Loại khác

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	4901	91		-- Từ điển, bách khoa toàn thư và các phụ trương của chúng:
	4901	91	10	--- Toàn bộ hoặc chủ yếu được in bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu
	4901	91	90	--- Loại khác
	4901	99		-- Loại khác:
				--- Sách giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa và xã hội, kể cả sách thiếu nhi, pháp luật và kinh tế
	4901	99	11	---- Toàn bộ hoặc chủ yếu được in bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu
	4901	99	19	---- Loại khác
				---- Loại khác
	4901	99	91	---- Toàn bộ hoặc chủ yếu được in bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu
	4901	99	99	---- Loại khác
	4902			Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo
	4902	10	00	- Phát hành ít nhất 4 lần trong một tuần
	4902	90		- Loại khác
				-- Phát hành hàng tuần
	4902	90	11	--- Về khoa học, kỹ thuật hoặc kinh tế
	4902	90	19	--- Loại khác
				-- Phát hành 2 tuần một lần
	4902	90	21	--- Về khoa học, kỹ thuật hoặc kinh tế
	4902	90	29	--- Loại khác
				-- Loại khác
	4902	90	91	--- Về khoa học, kỹ thuật hoặc kinh tế
	4902	90	99	--- Loại khác
	4903	00	00	Sách tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em
	4904	00	00	Bản nhạc, in hoặc viết tay, đã hoặc chưa đóng thành quyển hoặc minh họa tranh ảnh

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	4905			Bản đồ, biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
	4905	10	00	- Quả địa cầu - Loại khác
	4905	91	00	-- Dạng quyền
	4905	99	00	-- Loại khác
	4906			Các loại sơ đồ và bản vẽ kiến trúc, kỹ thuật, công nghiệp, thương mại, địa hình hoặc các mục đích tương tự là bản gốc vẽ tay; văn bản viết tay; các bản sao chụp lại bằng giấy có phủ lớp chất nhạy và bằng giấy than của các loại kể trên.
	4906	00	10	- Các loại sơ đồ và bản vẽ, kể cả các bản sao chụp lại hoặc bản sao sơ đồ và bản vẽ bằng giấy than
	4906	00	90	- Loại khác
	4909	00	00	Bưu thiếp in hoặc bưu ảnh, các loại thiếp chúc mừng in sẵn, điện tín, thư tín, thông báo, có hoặc không có minh họa, có hoặc không có phong bì kèm theo hoặc trang trí
	4910	00	00	Các loại lịch in, kể cả bloc lịch
	4911			Các ấn phẩm khác, kể cả tranh và ảnh in
	4911	10	00	- Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalogue thương mại và các ấn phẩm tương tự - Loại khác
	4911	91		-- Tranh, bản thiết kế và ảnh các loại
	4911	91	20	--- Tranh ảnh và sơ đồ treo tường dùng cho mục đích hướng dẫn; tranh, bản thiết kế và ảnh chụp để gắn vào sách, ấn phẩm quảng cáo hoặc catalogue thương mại
	4911	91	90	--- Loại khác

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
<u>Chương 84</u>				
	8440			Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách
	8440	10		- Máy:
				-- Hoạt động bằng điện
	8440	10	11	--- Máy đóng sách
	8440	10	19	--- Loại khác
	8440	90		- Bộ phận
	8440	90	10	-- Cửa máy hoạt động bằng điện
	8442			Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy công cụ thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm bản in, bát chữ, trục lăn và các bộ phận in ấn khác; mẫu ký tự in, bản in, bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác; khối, tấm, trục lăn và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ: đã được làm phẳng, đã được làm nổi hạt, đã được đánh bóng)
	8442	10		- Máy chế bản bằng quy trình sao chụp (nguyên lý quang điện)
	8442	10	10	-- Hoạt động bằng điện
	8442	20		- Máy, thiết bị và dụng cụ chế bản theo các quy trình khác, có hoặc không kèm theo bộ phận đúc chữ
	8442	20	10	-- Hoạt động bằng điện
	8442	30		- Các loại máy, dụng cụ và thiết bị khác
				-- Hoạt động bằng điện
	8442	30	11	--- Khuôn dập và khuôn coid
	8442	30	12	--- Thiết bị dùng cho máy đúc mẫu chữ
	8442	30	19	--- Loại khác
	8442	40		- Bộ phận của các loại máy, dụng cụ và thiết bị kể trên
	8442	40	10	-- Cửa máy, dụng cụ, thiết bị hoạt động bằng điện
	8442			-- Cửa máy, dụng cụ, thiết bị hoạt động không bằng điện
	8442	40	21	--- Cửa máy đúc chữ hoặc máy chế bản
	8442	50		- Mẫu chữ in, bản in, bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác; khối, tấm, trục lăn và đá in ly-tô,

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
				được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ: đã được làm phẳng, nổi vân hạt, đánh bóng)
	8442	50	10	-- Mẫu chữ in các loại
	8443			Máy in sử dụng các bộ phận như mẫu chữ, mẫu in, bát chữ, trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; các loại máy in phun, trừ các loại thuộc nhóm 84.71; các loại máy phụ trợ để in
				- Máy in offset:
	8443	11		-- In cuộn
	8443	11	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	12		-- In theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng (kích thước không quá 22 cm x 36 cm)
	8443	12	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	19		-- Loại khác
	8443	19	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	21		-- In cuộn
	8443	21	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	29		-- Loại khác
	8443	29	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	30		- Máy in nổi bằng khuôn mềm
	8443	30	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	40		- Máy in ảnh trên bản kẽm
	8443	40	10	--- Hoạt động bằng điện
	8443	60		- Máy phụ trợ in
	8443	60	10	--- Hoạt động bằng điện
<u>Chương 85</u>	8524			Đĩa, băng và các phương tiện lưu trữ thông tin đã ghi âm thanh hoặc ghi các hiện tượng tương tự khác, kể cả khuôn và vật chủ (gốc) để sản xuất băng, đĩa, trừ các sản phẩm thuộc Chương 37
	8524	10		- Đĩa hát
	8524	31		-- Để tái tạo các hiện tượng trừ âm thanh hoặc hình ảnh: [ITA1/A-043]
	8524	32		-- Chỉ để tái tạo âm thanh
	8524	39		-- Loại khác

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	8524	40	00	- Bảng từ để tái tạo các hiện tượng trừ âm thanh hoặc hình ảnh [ITA/A-045] [ITA1/B-201] - Bảng từ khác
	8524	51		-- Có chiều rộng không quá 4 mm
	8524	52		-- Có chiều rộng trên 4 mm nhưng không quá 6,5 mm
	8524	53		-- Có chiều rộng trên 6,5 mm
	8524	60	00	- Thẻ có dải từ - Loại khác
	8524	91		-- Để tái tạo các hiện tượng trừ âm thanh và hình ảnh: [ITA1/A-046]
	8524	99		-- Loại khác
	8528			Máy thu dùng trong truyền hình có hoặc không gắn với máy thu thanh vô tuyến hoặc máy ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; màn hình video và máy chiếu video.
	8529			Các bộ phận chuyên dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị thuộc nhóm 85.25 đến 85.28
	8529	10		- Anten và bộ phận xạ của anten; các bộ phận sử dụng kèm
	8543			Máy và thiết bị điện có chức năng riêng chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này
<u>Chương 90</u>	9009			Máy photocopy có kết hợp hệ thống quang học hoặc máy dạng tiếp xúc và máy sao chụp bằng nhiệt
				- Máy photocopy tĩnh điện
	9009	11		-- Hoạt động theo cách tái tạo ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quy trình trực tiếp): [ITA1/A-100]
	9009	11	10	--- Loại màu
	9009	11	90	--- Loại khác
	9009	12		-- Hoạt động theo cách tái tạo ảnh gốc lên bản sao qua lớp trung gian (quy trình gián tiếp) --- Loại màu:

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	9009	12	11	---- Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động theo cách tái tạo ảnh gốc lên bản sao qua lớp trung gian (quy trình gián tiếp), hoạt động theo cách chuyển dữ liệu gốc sang mã số [ITA/2]
	9009	12	19	---- Loại khác
	9009	21		-- Có kết hợp hệ thống quang học [IAT1/A-101]:
	9009	21	10	--- Loại mẫu
	9009	22		-- Dạng tiếp xúc
	9009	22	10	--- Loại mẫu
	9009	30		- Máy sao chụp bằng nhiệt
	9009	30	10	-- Loại mẫu
<u>Chương 95</u>	9501			Đồ chơi có bánh xe được thiết kế dùng cho trẻ em điều khiển (ví dụ xe 3 bánh, xe đẩy, xe ô tô kiểu đạp chân); xe ngựa chở búp bê (Dool's carriages)
	9501	00	10	- Xe ba bánh
	9501	00	20	- Đồ chơi có xe ba bánh khác
	9501	00	30	- Xe ngựa chở búp bê (Dool's carriages)
				- Bộ phận
	9501	00	91	-- Nan hoa, dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9501	00	92	-- Mũ nan hoa, dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9501	00	93	-- Loại khác, dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9501	00	94	-- Nan hoa, trừ loại dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9501	00	95	-- Mũ nan hoa, trừ loại dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9501	00	99	-- Loại khác, trừ loại dùng cho hàng hóa thuộc mã số 9501.00.10
	9502			Búp bê hình người
	9502	10	00	- Búp bê có hoặc không mặc quần áo
				- Bộ phận và đồ phụ trợ
	9502	91	00	-- Quần áo và phụ kiện hàng may mặc, giày dép, mũ và vật đội đầu khác

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	9502	99	00	-- Loại khác
	9503			Đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đồ trí
	9503	10	00	- Xe điện, kể cả đường ray, đèn hiệu và các phụ tùng khác của chúng
	9503	20		- Các bộ đồ lắp ráp thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") có hoặc không vận hành, trừ loại thuộc nhóm 9503.10
	9503	20	10	-- Bộ đồ lắp ráp máy bay
	9503	20	90	-- Loại khác
	9503	30		- Bộ xếp hình và đồ chơi xây dựng khác
	9503	30	10	-- Bảng plastic
	9503	30	90	-- Loại khác
				- Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người
	9503	41	00	-- Loại nhồi
	9503	49	00	-- Loại khác
	9503	50	00	- Thiết bị và dụng cụ âm nhạc làm đồ chơi
	9503	60		- Đồ chơi đồ trí
	9503	60	10	-- Bộ đồ chơi
	9503	60	20	-- Loại khác, trò chơi xếp hình hoặc xếp ảnh
	9503	60	90	-- Loại khác
	9503	70		- Đồ chơi khác, xếp thành bộ hoặc thành cụm
	9503	70	10	-- Đồ chơi xếp khối hoặc cắt rời hình chữ số, chữ cái hoặc hình con vật; bộ xếp chữ; bộ đồ chơi tạo chữ và tập nói; bộ đồ chơi in hình
	9503	70	90	-- Loại khác
	9503	80		- Đồ chơi và mẫu khác, có gắn động cơ
	9503	80	10	-- Súng đồ chơi có gắn động cơ
	9503	80	90	-- Loại khác
	9503	90		- Loại khác
	9503	90	10	-- Tiên đồ chơi
	9503	90	20	-- Máy bộ đàm đồ chơi
	9503	90	30	-- Súng, súng ô quay, súng lục đồ chơi
	9503	90	40	-- Bàn tính đồ chơi; máy khâu đồ chơi; máy chữ đồ chơi

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	9503	90	50	-- Dây nhảy
	9503	90	60	-- Hồn bi
	9503	90	90	-- Loại khác
	9504			Dụng cụ dùng cho giải trí, cho các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả bàn sử dụng trong trò chơi bắn đạn (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc (casino) và các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động
	9504	10	00	- Trò chơi video dùng với máy vô tuyến truyền hình
	9504	20	90	-- Loại khác
	9504	30		- Trò chơi khác, hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, xèng hoặc các mặt hàng tương tự, trừ các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động
	9504	30	10	-- Máy đánh bạc hoặc máy jackpot
	9504	30	20	-- Bàn dùng cho trong trò chơi bắn đạn, máy giặt xèng hoặc và các loại tương tự
	9504	30	90	-- Loại khác
	9504	40	00	- Cỗ bài
	9504	90		- Loại khác
	9504	90	30	-- Thiết bị chơi bạc và đồ phụ trợ đi kèm
	9504	90	90	-- Loại khác
<u>Chương 97</u>	9701			Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và các phiên bản của các tác phẩm hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép và phù điêu trang trí tương tự
	9701	10	00	- Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu
	9701	90		- Loại khác
	9701	90	10	-- Trang trí bằng hoa và nụ, lá, cành và các phần khác của cây, bằng plastic, vật liệu in hoặc kim loại cơ bản
	9701	90	20	-- Trang trí bằng lie tự nhiên
	9701	90	90	-- Loại khác

<i>Chương</i>	<i>Nhóm</i>	<i>Phân nhóm</i>		<i>Mô tả mặt hàng</i>
	9702	00	00	Nguyên bản các bản khắc, bản in, bản in litô
	9703	00	00	Nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc bằng mọi loại vật liệu
	9705			Bộ sưu tập và các vật phẩm của bộ sưu tập chủng loại động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học, sử học, khảo cổ, cổ sinh vật học, dân tộc học hoặc các loại tiền
	9705	00	10	- Sưu tập động vật học
	9705	00	20	- Sưu tập khảo cổ học
	9705	00	90	- Loại khác
	9706	00	00	Đồ cổ có tuổi từ 100 năm trở lên

Ghi chú:

- Danh mục này được xây dựng phù hợp với mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 82/2003/QĐ-BTC ngày 13/6/2003 của Bộ Tài chính và trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003 của Bộ Tài chính

- Những hàng hóa trong Danh mục này được ghi theo nhóm 4 số, chi tiết theo phân nhóm 6 số hoặc 8 số. Trong trường hợp cần chi tiết đến 6 số hoặc 8 số, sau khi xác định các mặt hàng thuộc nhóm 4 số và phân nhóm 6 số, cần xác định xem mặt hàng đó thuộc phân nhóm 8 số nào trong phân nhóm 6 số đó để phân loại.

Ví dụ: Mặt hàng nhập khẩu là "Bộ đồ lắp ráp máy bay". Theo Danh mục trên, mặt hàng này được xác định vào Chương 95 thuộc nhóm 4 số là 9503, vào phân nhóm 6 số là 9503.20 và vào phân nhóm 8 số là 9503.20.10.

- Những hàng hóa chưa được nêu chi tiết trong Danh mục này thì sẽ dựa trên Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam và hướng dẫn phân loại hàng hóa tại Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 của Chính phủ quy định về việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư 85/2003/TT-BTC ngày 29/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Biểu thuế xuất khẩu và các văn bản quy định, hướng dẫn phân loại hàng hóa có liên quan để xác định mã số chi tiết của mặt hàng đó.